TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22/9/2018
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đoàn Kiều Trung**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Huỳnh Thị Hồng**

2. Ông Bùi Quốc Thìn

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Trương Quang Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:* **Ông Huỳnh Tấn Hoàng** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 181/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST - HNGĐ, ngày 07/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm A, thôn L, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: xóm T, thôn L, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn K, sinh năm 1983;

Nơi cư trú tại: xóm A, thôn L, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn K tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển 01/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của anh K thuộc thôn L, xã Bình T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung đặt tên là Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 09/5/2016, hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Tuy nhiên, thời gian chung sống hạnh phúc giữa vợ chồng không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khoảng cách về tuổi tác nên tính tình không hợp nhau, bất đồng về quam điểm, anh K nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị. Sau khi cưới, kinh tế giữa vợ chồng còn nhiều khó khăn, vợ chồng không làm ra tiền trong khi con cái thường xuyên đau ốm, vợ chồng sửa chữa lại nhà nên phải vay mượn tiền của nhiều người dẫn đến thâm nợ, vợ chồng xảy ra xung đột. Bản thân anh K nhiều lần đánh đập, hăm dọa chị nên chị đã về nhà cha mẹ ở từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Anh K có đến thăm con nhưng có lần dùng dao hăm dọa chị và gia đình. Nay chị thấy rằng giữa vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn K.

Về con chung: Giữa chị và anh K có một con chung tên là Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 09/5/2016, hiện nay cháu đang sinh sống tại nhà cha mẹ anh K. Theo đơn khởi kiện và quá trình Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện gia đình anh K đã đón cháu Đ về nuôi dưỡng nên tại phiên tòa hôm nay, chị có thay đổi về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng, chị tự nguyện giao lại con chung cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)*.

Về tài sản chung: Giữa vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Giữa vợ chồng có nợ chung nhưng anh chị đã tự thỏa thuận trả nợ xong, hiện không còn.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải, bị đơn trình bày như sau:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị N về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu trước khi đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2015 tại UBND xã Bình T, huyện B. Đến nay, giữa anh chị đã có được một con chung như chị N trình bày.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do sau khi sinh con chung, con bị bệnh phải chữa trị tốn kém, công việc và thu nhập của vợ chồng không ổn định, cộng với việc sửa chữa lại nhà ở nhưng vợ chồng không có tiền nên phải vay mượn nhiều nơi dẫn đến xung đột về kinh tế. Bản thân chị N tuổi còn nhỏ nên ham vui chơi, không chia sẽ được trách nhiệm gia đình. Bên cạnh đó, trước khi đi đến hôn nhân, mỗi người đều có con riêng nên có nhưng xung đột nhất định trong quan hệ vợ chồng.

Ngoài ra, trong thời gian anh đi làm biển, chị N có quan hệ bất chính với người khác, anh có bắt gặp được nên giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn với

nhau. Tuy nhiên, mặc dù giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng việc chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ sống chung để nuôi con, anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Giữa vợ chồng có một con chung như chị N trình bày, chị N yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý. Anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh thấy rằng chị N không có công việc, thu nhập, không có điều kiện về chỗ ở và phải nuôi một con riêng nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sẽ không đảm bảo.

Về tài sản chung: Giữa vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Đã tự thỏa thuận trả nợ xong, hiện không còn, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng: Tòa án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: anh K đã có lời trình bày, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên nhưng anh không đến tham gia phiên tòa là không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã trầm trọng, anh K có hành vi đánh đập chị N, vợ chồng không còn sống chung với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N;

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, chị N tự nguyện giao lại con chung anh K chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị N.

+ Về tài sản chung: các bên không yêu cầu nên không xét.

- Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, đã có lời trình bày, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn K là hợp pháp, có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và

đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05 tháng 02 năm 2015. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh là do khoảng cách về tuổi tác, tính tình không hợp và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, chị N và anh K đều thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, xung đột, bản thân anh K có đánh đập chị N nhưng anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi con. Tuy nhiên trong thời gian qua, giữa vợ chồng không sống chung và cũng không đoàn tụ được với nhau. Qua làm việc với hai bên gia đình thì thấy rằng giữa chị N và anh K có xảy ra xung đột, mâu thuẫn, gia đình hai bên đã tạo điều kiện khuyên giải, hàn gắn nhưng anh chị không cải thiện được tình trạng hôn nhân của mình.

Trên cơ sở lời trình bày của các bên và của những người làm chứng là bà Ngô Thị D (mẹ đẻ chị N) và bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh K) thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân chị N và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được, giữa vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, việc chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn K là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử cho chị Lê Thị Kim N được ly hôn anh Nguyễn K.

[2] Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn K đều có yêu cầu được nhận nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị N không tranh chấp về nuôi con mà chị tự nguyện giao lại con chung cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy việc chị N đồng ý giao con chung cho anh K nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Theo đó, nghi nhận việc chị N tự nguyện giao lại cháu Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 09/5/2016 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu Đ, mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng *(một triệu đồng/tháng)*. Xét thấy việc chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Theo đó, ghi nhận việc chị N tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Phúc Đ, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)*. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án (22/9/2018).

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các bên chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về quan hệ nợ chung: chị N và anh K xác định giữa anh chị đã tự trả nợ xong, hiện không còn, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí: Chị Lê Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Án dụng:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 233, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1995, nơi cư trú: xóm A, thôn L, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi được ly hôn anh Nguyễn K, sinh năm 1983, nơi cư trú: xóm A, thôn L, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2016 cho anh Nguyễn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Kim N có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Nguyễn Phúc Đ, mức cấp dưỡng là **1.000.000 đồng/tháng** *(một triệu đồng)*, anh Nguyễn K là người đại diện cho con chung chưa thành niên nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2018 đến khi cháu Nguyễn Phúc Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

4. Về quan hệ tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về quan hệ nợ chung: Chị N và anh K xác định giữa anh chị đã tự trả nợ xong, hiện không còn nợ ai, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6. Án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*;

- Án phí cấp dưỡng nuôi con hàng tháng: Chị Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*;

Tổng cộng, chị Lê Thị Kim N phải chịu án phí với số tiền là 600.000 đồng *(sáu trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002348, ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, còn lại chị N phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2018).

Riêng anh Nguyễn K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đoàn Kiều Trung